



CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TẠO LẬP VĂN BẢN TRONG MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS. TRẦN THỊ HIẾN LƯƠNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Theo dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể, các môn học cùng hướng đến hình thành và phát triển năng lực của người học. Dự thảo Chương trình GDPT tổng thể nêu ra 7 năng lực chung: 1/ Năng lực tự học; 2/Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; 3/Năng lực ngôn ngữ và giao tiếp; 4/Năng lực hợp tác; 5/ Năng lực tính toán; 6/ Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông; 7/ Năng lực thẩm mỹ. Trong 7 năng lực này, môn Ngữ văn có khả năng phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực thẩm mỹ,... Năng lực ngôn ngữ có thể chia thành hai nhóm:

- *Năng lực tiếp nhận* (nghe, đọc, nhìn, xem, đánh giá) những loại văn bản khác nhau;

- *Năng lực tạo lập* (nói, viết, sáng tạo, trình bày) những loại văn bản (VB) khác nhau cho những mục đích cá nhân và xã hội.

Để đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh (HS), cần phải dựa trên chuẩn đánh giá năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản (TLVB). Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin bàn về chuẩn đánh giá năng lực TLVB trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

1. Năng lực TLVB

Trong chương trình GDPT của một số nước, tiếp nhận và TLVB là hai năng lực cơ bản cần được hình thành và phát triển ở người học. Trong đó, năng lực tiếp nhận và TLVB có thể được phân giải theo các cách hoặc các tầng bậc khác nhau, song việc dạy học TLVB trong chương trình đó đều hướng đến mục tiêu giúp người học trở thành người giao tiếp hiệu quả hơn thông qua hình thức nói, viết,...

Năng lực TLVB được hiểu là khả năng tạo ra một VB (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,...) ở dạng nói hoặc viết, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, thể hiện cách tổ chức, xây dựng VB đúng quy cách và có ý nghĩa. Như vậy, một VB được tạo ra sẽ là sự vận dụng tổng hợp các kiến thức (Ví dụ: kiến thức về lĩnh vực chuyên môn/môn học, về đời sống xã hội, văn hóa - lịch sử,...), các kĩ năng TLVB (phù hợp với kiểu VB, phương thức biểu đạt, đối tượng giao tiếp, tình huống giao tiếp,...) và cả cảm xúc, thái độ, ý chí,... của người tạo ra VB. Điều này được thể hiện khá rõ trong VB chương trình môn *Tiếng Anh* (hoặc môn *Ngữ văn*) của một số nước.

Chương trình môn *Tiếng Anh* của Singapore chia theo hai dạng thức: tiếp nhận và tạo lập. Trong đó, nghe, đọc, nhìn là những kĩ năng tiếp nhận được sử

dụng để khám phá thông tin, ý tưởng; nói, viết, trình bày là những kĩ năng TLVB có ý nghĩa. Các kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp...) là kiến thức nền tảng cho việc sử dụng những kĩ năng tiếp nhận và tạo lập để giao tiếp hiệu quả.

Trong Chương trình môn *Tiếng Anh* của Australia, chuẩn môn học được xác định theo 2 mạch chính, đó là: Phương thức tiếp nhận (nghe, đọc, xem); Phương thức tạo lập (nói, viết và sáng tạo).

Chuẩn tiếp nhận và chuẩn tạo lập trong chương trình của Australia được chia theo từng lớp. Ví dụ, chuẩn lớp 10 đối với các dạng thức tạo lập được nêu như sau:

- HS giải thích quan điểm, thái độ và nguyện vọng của mình thông qua sự phát triển những luận điểm chặt chẽ và hợp logic; *phát triển phong cách riêng* của mình bằng cách lựa chọn, vận dụng các đặc trưng ngôn ngữ, chiến lược, phong cách, cấu trúc VB,...

- HS tạo ra các VB để nói lên những ý tưởng phức tạp; tạo ra những bài thuyết trình và tích cực thảo luận trong lớp, nhóm, xây dựng trên ý tưởng của người khác, giải quyết vấn đề, bảo vệ ý kiến, phát triển và mở rộng những cuộc tranh luận, thể hiện sự hiểu biết về ngữ pháp, thay đổi lựa chọn từ vựng để nâng cao hiệu quả tác động, sử dụng chính xác chính tả, dấu câu,... khi sáng tạo và chỉnh sửa các VB.

Theo cách xác định trên, khi tạo lập một VB, đòi hỏi HS phải huy động vốn hiểu biết, khả năng tư duy, kĩ năng trình bày một vấn đề theo thể thức và thể hiện được cảm xúc, thái độ,... của mình về vấn đề được đề cập trong VB. Thông qua việc TLVB, HS có cơ hội phát triển kiến thức, kĩ năng liên quan đến toàn bộ VB (mục đích VB, đối tượng phản ánh của VB, các ngữ cảnh được đề cập tới, đặc trưng ngôn ngữ, cấu trúc và tổ chức của VB,...). Trong Chương trình *Tiếng Anh* của Newzealand, chuẩn năng lực TLVB được thể hiện qua các chỉ số dưới đây:

- Mục đích và đối tượng của VB (tạo lập được những VB đúng về mục đích, đối tượng thông qua sự lựa chọn kĩ lưỡng ngôn ngữ, nội dung, hình thức VB; truyền đạt và thể hiện tiếng nói cá nhân khi thích hợp).

- Ý tưởng thể hiện trong VB (phát triển ý tưởng, thông tin và sự hiểu biết, tạo ra VB có chiều sâu tư tưởng và nhận thức của người viết).

- Các đặc trưng ngôn ngữ của VB (sử dụng thành thạo và chủ động ngôn ngữ về chính tả, từ vựng, ngữ

pháp, đặc trưng VB,... để tạo ra VB đúng mục đích, có ý nghĩa, hiệu quả giao tiếp và thu hút sự quan tâm của người đọc, người nghe, người xem).

- Cấu trúc và hình thức VB (sử dụng đúng đặc điểm và quy tắc về hình thức VB).

Nhìn chung, trong chương trình môn *Tiếng* (hoặc môn Ngữ văn) của các nước, năng lực TLVB thường bao gồm các thành tố: kiến thức, kĩ năng, thái độ. Ba thành tố trên sẽ được thể hiện trong sự gắn kết chặt chẽ trong VB do HS tạo lập.

2. Phương pháp xây dựng chuẩn đánh giá năng lực TLVB

Theo cấu trúc năng lực TLVB nêu trên, chuẩn đánh giá năng lực này sẽ được xây dựng theo các bước sau: Xác định các thành tố của năng lực; Xây dựng chỉ số hành vi cho mỗi thành tố; Xác định tiêu chí chất lượng cho mỗi chỉ số.

Theo kinh nghiệm quốc tế và dựa trên những đặc trưng môn Ngữ văn của Việt Nam, theo chúng tôi, năng lực TLVB gồm 3 thành tố với những chỉ số hành vi xác định được trong VB do HS tạo lập (xem bảng 1).

Dựa vào các thành tố và chỉ số hành vi nêu trên, ở từng đề bài tạo lập VB cụ thể, chúng ta sẽ xây dựng các tiêu chí chất lượng, tức là phân biệt các mức độ khác nhau mà HS có thể đạt được.

3. Đánh giá năng lực TLVB

Đánh giá năng lực tạo lập VB của HS phải dựa trên chuẩn TLVB theo chương trình môn học ở từng lớp. Hiện nay, việc đánh giá năng lực TLVB chủ yếu thông qua chất lượng VB mà HS tạo lập được, đó là kết quả của sự phối hợp, quyện hòa chặt chẽ các thành tố của năng lực (kiến thức, kĩ năng, thái độ). Tuy nhiên, trước một VB cụ thể (dù ở dạng nói hay viết), chúng ta vẫn có những căn cứ, bằng chứng (quan sát được) để xác định những gì HS có thể làm (nói hoặc viết được)

Bảng 1: Tổng hợp các thành tố và những chỉ số hành vi của năng lực TLVB

Thành tố	Chỉ số hành vi
1. Kiến thức và hiểu biết (liên quan đến vấn đề trọng tâm của VB) thể hiện trong VB	1.1. Xác định vấn đề và mục đích VB. (VB thể hiện người tạo lập đã xác định đúng vấn đề/nhiệm vụ và thể hiện đúng mục đích VB đã được xác định).
	1.2. Triển khai và trình bày ý tưởng. (Tạo ra VB có chiều sâu suy nghĩ, có hiểu biết phong phú, đáp ứng mục đích VB)
	1.3. Thể hiện dấu ấn cá nhân (Có sáng tạo riêng trong việc lựa chọn kiến thức, vận dụng hiểu biết của cá nhân để tạo ra VB có ý nghĩa (Ví dụ: có sáng tạo trong việc triển khai, mở rộng, đào sâu vấn đề).
2. Kĩ năng TLVB	2.1. Có cách cấu trúc VB hợp lí, chặt chẽ, phù hợp kiểu/loại VB. Ví dụ: - VB có đủ 3 phần (Mở bài, thân bài, kết bài). - VB thể hiện rõ tính liên kết và mạch lạc giữa các phần trong bài; giữa các đoạn văn trong phần thân bài; giữa các ý/các câu trong đoạn,...). - Cách sắp xếp, dàn dựng, triển khai vấn đề có ý nghĩa để tăng sức thuyết phục (thể hiện qua kết cấu đoạn, bài).
	2.2. Có phương thức biểu đạt phù hợp với kiểu/loại VB. (Sử dụng một cách hiệu quả phương thức biểu đạt chính của kiểu/loại VB, đồng thời, biết kết hợp các phương thức biểu đạt khác để hỗ trợ cho việc trình bày ý tưởng theo đúng đặc trưng VB được yêu cầu hoặc lựa chọn.
	2.3. Có chú ý đến diễn đạt và cách lập luận trong VB (Dùng từ, viết câu đúng, phù hợp phong cách; có khả năng phân tích, suy đoán, sử dụng các lí lẽ, minh chứng,... tiêu biểu thể hiện hiệu quả các ý tưởng một cách thuyết phục).
	2.4. Quan tâm đến cách thức trình bày VB đúng quy cách. (Chữ viết đúng chính tả, rõ nét; trình bày VB đúng quy cách của kiểu/ loại VB).
	2.5. Có một số sáng tạo riêng trong kĩ năng tạo lập VB. (Có sáng tạo trong việc dùng từ, viết câu, sử dụng biện pháp tu từ,... hoặc tạo ra VB đa phương thức).
3. Thái độ	3.1. Thể hiện sự nghiêm túc trong tư duy và có tinh thần trách nhiệm để tạo ra một VB có ý nghĩa, phát huy hết khả năng của người viết (thể hiện ở mức độ thành tích đạt được về kiến thức và kĩ năng tạo lập VB).
	3.2. Thể hiện sự chĩn chu trong việc trình bày một VB. (Thể hiện ở hình thức trình bày VB, ví dụ: chữ viết, quy cách VB,...)

(Xem tiếp trang 31)